**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số: 68/2018/HSPT
Ngày 25- 7-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.
*Các Thẩm phán:* Ông Võ Trung Hiếu;
Ông Lê Thanh Vân.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 58/2018/TLPT-HS ngày 21-6-2018 đối với các bị cáo Huỳnh Công B và Lê Trọng N do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HSST ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Huỳnh Công B (V), sinh năm 1990, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Số 8/4 T, Phường 8, Tp. M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn S và bà Thạch Thị U; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 lần, cụ thể: Ngày 29-3-2010, bị Tòa án nhân dân thành phố M xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Trốn khỏi nơi giam giữ" theo bản án số 34/2010/HSST; Ngày 28-01-2015, bị Tòa án nhân dân thành phố M xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo bản án số 09/2015/HSST. Nhân thân: Ngày 29-8-2007, bị Tòa án nhân dân thành phố M xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 102/2007/HSST (Bị cáo phạm tội khi chưa thành niên); Ngày 24-9-2008, bị Tòa án nhân dân thành phố M xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 103/2008/HSST (Bị cáo phạm tội khi chưa thành niên).

Bị bắt tạm giữ ngày 06-6-2017, chuyển tạm giam từ ngày 15-6-2017 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Trọng N (T), sinh ngày 08-5-1999, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Số 7/11D, đường N, Phường 8, Tp. M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Ngọc H; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 06-6-2017, chuyển tạm giam ngày 15-6-2017 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người tham gia tố tụng khác liên quan đến kháng cáo:*

Người làm chứng: Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 55/9 D, Phường 2, Tp. M, tỉnh Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**Vụ thứ nhất**: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07-5-2017, Huỳnh Công B; Lê Trọng N; Lê Minh P và T (không rõ họ tên địa chỉ) đi bộ đến nhà bà Nguyễn Thị Ánh H1 (sinh năm 1965, địa chỉ số 14, đường T, Phường 9, thành phố M, tỉnh Tiền Giang). Tại đây, N, P, T2 đứng bên ngoài cảnh giới còn B leo rào vào phát hiện cửa bên hông nhà chỉ khép hờ nên đẩy cửa đi vào nhìn trên bàn gỗ có để 01 xâu chìa khóa, 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím không rõ model, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Seiko của bà H1, B lấy điện thoại, đồng hồ bỏ vào túi quần, lấy xâu chìa khóa mở cửa rào, lấy trộm xe mô tô hiệu Honda loại Wave biển số 63B4-055.75 màu đỏ-bạc- đen của anh Võ Thế H2 (con rể bà H1- sinh năm 1989, cư trú ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang) và xe mô tô hiệu Yamaha Nozza biển số 63B9-259.75 màu xanh của chị Bùi Thị Ánh M (con ruột bà H1- sinh năm 1989, ngụ cùng địa chỉ bà H1) đang dựng ở phía hông nhà dẫn ra ngoài. Sau khi lấy trộm, B điều khiển xe mô tô biển số 63B9-259.75 chở T2 và đẩy xe mô tô biển số 63B4-055.75 do N điều khiển chở P đem về nhà N tại số 7/11D, đường N, Phường 8, thành phố M. Tại đây, B tháo biển số 63B9-259.75, N tháo biển số xe 63B4-055-75 để trên đầu tủ tại nhà N. Sau đó, B lấy 02 biển số trên, 01 điện thoại di động, 01 đồng hồ đeo tay để vào bao nylon đem bỏ ngoài đường, B không nhớ rõ nơi đem bỏ. Đến ngày 09-5-2017, B và N đem xe mô tô biển số 63B9.259.75 đã gắn biển số giả (B, N không nhớ biển số) đến nhà chị Nguyễn Thị Kim Y (sinh năm 1992, địa chỉ số 55/9, đường D, Phường 2, Tp. M) nhờ Y bán giùm. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Y bán xe mô tô trên cho anh Phan Quốc T3 (T4 bánh tráng, sinh năm 1974, cư trú 168 đường T, Phường 3, Tp. M) với giá 3.500.000 đồng rồi đưa tiền cho B cất giữ, tiêu xài chung cho cả nhóm hết. Riêng xe mô tô biển số 63B4-055.75, N thay đổi thành

màu đen và gắn biển số 63K6-9248 để sử dụng. Đến ngày 17-5-2017, N bị Công an thành phố M tạm giữ xe do vi phạm giao thông.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 133 ngày 11-5-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố M kết luận:

- Xe mô tô biển số 63B4-055.75 trị giá 7.200.000 đồng;

- Xe mô tô biển số 63B9.259.75 trị giá 16.000.000 đồng.

- Riêng điện thoại di động hiệu Nokia và đồng hồ đeo tay hiệu Seiko bà Hoa không yêu cầu định giá do không xác định được giá trị và không chứng minh được nguồn gốc.

**Vụ thứ hai**: Khoảng 03 giờ ngày 05-6-2017, Huỳnh Công B điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha loại xe sirius biển số 54L-689 chở Lê Trọng N và Nguyễn Thanh C đến nhà chị Nguyễn Thị Hương T4 (sinh năm 1982, cư trú số 156, ấp P, xã T, Tp. M). Tại đây thấy cửa sổ thứ ba bên hông nhà mở nên B dùng kềm cộng lực đem theo sẵn cắt 02 thanh kim loại của khung cửa số leo vào, thấy cửa nhà sau không khóa (chỉ móc ở khóa) nên mở cửa kêu C cùng đi vào trong nhà tìm tài sản trộm, còn N đứng ngoài giữ xe và cảnh giới. B đi vào phòng ngủ thứ ba tìm thấy 01 chìa khóa xe mô tô; 04 điện thoại di động (01 điện thoại Iphone 7 màu hồng; 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng đồng bể màn hình; 01 điện thoại cảm ứng hiệu LG màu trắng; 01 điện thoại hiệu Mastel) để tại tủ gỗ, kệ gỗ nên lấy 04 điện thoại bỏ vào túi quần, lấy chìa khóa xe đi ra nhà sau mở khóa xe mô tô hiệu Airblade biển số 63B9-406.80 dẫn ra ngoài. Sau đó, B quay trở vào lấy chìa khóa xe do C tìm được dẫn xe mô tô Yamaha biển số 54F3-0176 dựng ở nhà sau ra ngoài giao cho C giữ. B tiếp tục đi vào phòng ngủ thứ nhất lấy trộm 01 túi xách bằng vải màu xám để dưới chân bàn gỗ. Sau đó, cả ba đem số tài sản trên về nhà N cất giấu.

Tại nhà N, B tháo biển số 63B9-406.80 và gắn biển số 70G1-082.03, N tháo biển số 54F3-0176, 02 biển số 63B9-406.80 và 54F3-0176 để trên nóc tủ trong nhà N. B, N kiểm tra cốp xe thấy có giấy đăng ký của 02 xe mô tô trên, tiếp tục kiểm tra túi xách có 8.500.000 đồng nên B giữ tiêu xài chung cho cả nhóm hết 4.100.000 đồng, còn lại 4.400.000 đồng và ném bỏ túi xách ngoài đường gần nhà tại nơi để rác thải. Sau đó, B bán điện thoại di động hiệu LG màu trắng cho anh Nguyễn Văn L (sinh năm 1987, cư trú số 111/4, đường, Phường 2, TP. M) giá 200.000 đồng tiêu xài hết; 03 chiếc điện thoại di động còn lại thì B cất giữ và đã bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 174 ngày 07-6-2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố M kết luận:

- Xe mô tô biển số 63B9-406.80 trị giá 27.600.000 đồng;

- Xe mô tô biển số 54F3-0176 trị giá 7.200.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu hồng trị giá 20.800.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu LG P880 trị giá 3.900.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu Mastel A206 màu trắng trị giá 1.155.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 vàng đồng bị bể màn hình không có giá trị;

- 01 túi xách bằng vải màu xám trị giá 120.000 đồng.

**Vụ thứ ba**: Khoảng 01 giờ ngày 06-6-2017, Lê Minh P điều khiển xe mô tô hiệu Airblade gắn biển số 70G1-082.03 (biển số thật 63B9-406.80) chở B, còn T2 điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius gắn biển số 54L-689 chở Nguyễn Thanh Của đến Công ty mua bán xe ô tô "Trường Hải" (địa chỉ: ấp L, xã E, Tp. M, tỉnh Tiền Giang); P leo rào vào trong khuôn viên công ty để tìm tài sản trộm; B, Của, T2 đứng bên ngoài cảnh giới, P nhìn thấy anh Trần Thanh L2 (sinh năm 1988, ngụ số 220, ấp 4, xã S, huyện C) nằm ngủ, phía sau chốt bảo vệ của công ty có dựng một xe mô tô hiệu Yamaha NVX màu trắng- bạc biển số 63P1-102.40, P lục lấy chìa khóa trong túi áo khoát của L2 treo trên vách gần đó mở khóa nhưng không dẫn xe ra được, P đi ra mở cửa rào lưới B40, đưa chìa khóa xe cho B đi vào lấy trộm xe rồi cả nhóm chạy đi về nhà N. Lúc này N đang ngủ tại nhà. B, P kiểm tra trong cốp xe có giấy đăng ký xe mô tô biển số 63P1-102.40 tên Trần Thanh L2. Đến ngày 06-6-2017, B, N bị cơ quan công an bắt giữ cùng tang vật tại nhà N.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 175 ngày 07-6-2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố M kết luận:

Xe mô tô biển số 63P1-102.40 trị giá 33.600.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HSST ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Công B và Lê Trọng N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ điểm c, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Công B (V) 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06-6-2017.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Trọng N (T) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06-6-2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

* Ngày 16-5-2018, bị cáo Huỳnh Công B có đơn kháng cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

* Ngày 19-5-2018, bị cáo Lê Trọng N có đơn kháng cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Huỳnh Công B và Lê Trọng N thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như án sơ thẩm đã xét xử, tuy nhiên các bị cáo cho rằng với mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên là nặng và các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần tranh luận và luận tội, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm. Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa. Đối với bị cáo B đã tham gia thực hiện tích cực cả ba vụ trộm với vai trò chủ mưu, cầm đầu, phần lớn tài sản được bị cáo định đoạt, chi dùng, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo N không phải là người chủ mưu, cầm đầu nhưng tham gia tích cực trong các vụ trộm, cùng với đồng bọn tiêu xài số tiền từ tài sản trộm được, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ Luật Hình sự. Do đó Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ đúng người, đúng tội. Khi xét xử tòa cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo cùng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để quyết định hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không bổ sung thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, với mức hình phạt mà tòa cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo B 05 năm 6 tháng tù giam và bị cáo N 02 năm 06 tháng tù giam là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HSST ngày 09-5-2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Công B và Lê Trọng N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu, lời thừa nhận của các bị cáo là phù hợp với lời khai những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ 07/5/2017 đến 06/6/2017 các bị cáo cùng đồng bọn đã liên tiếp thực hiện 03 vụ trộm, chiếm đoạt tài sản có gía trị lớn trên

100.000.000 đ. Cá biệt 02 vụ trộm sau cùng (ngày 05 và 06/6/2017) trong khi các bị cáo chưa tiêu thụ hết tài sản của vụ trộm trước thì đã thực hiện tiếp vụ trộm khác cách nhau thời gian rất ngắn, cho thấy tính liều lĩnh, xem thường pháp luật của các bị cáo. Đặt biệt, trong đó bị cáo B đã tham gia thực hiện tích cực cả 03 vụ trộm với vai trò là kẻ chủ mưu, cầm đầu, phần lớn tài sản chiếm đoạt được do bị cáo B định đoạt, chi dùng. Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo B, N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có cơ sở đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì động cơ xấu tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động cực nhọc, mà các bị cáo cố ý câu kết cùng đồng bọn liên tiếp thực hiện nhiều vụ trộm cắp chỉ trong thời gian ngắn nhằm mục đích bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo, chẳng những xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây ra tâm lý hoang mang lo sợ, bức xúc trong nhân dân. Riêng bị cáo B có nhiều tiền án, nhân thân xấu, vừa ra tù không bao lâu lại tiếp tục phạm tội mới mà không biết sửa đổi, ăn năn hối cải, chính vì vậy nên cần phải được xử lý nghiêm khắc hành vi này nhằm răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về mức án: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm đối với xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và xử phạt các bị cáo với mức án nêu trên là cần thiết để trừng trị, răn đe và phù hợp pháp luật. Từ khi xét xử sơ thẩm đến nay, các bị cáo không có phát sinh, cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nào để xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên.

- Tại phiên tòa, bị cáo B, bị cáo N có ý kiến cho rằng, hiện nay kinh tế gia đình các bị cáo đang gặp khó khăn, các bị cáo là lao động chính nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Như đã phân tích trên, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, Hội đồng xét xử sơ thẩm khi lượng hình đã cân nhắc, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xử phạt các bị cáo mức án như nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật nên không có căn cứ để giảm nhẹ thêm.

- Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bởi các lẽ trên;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Công B và Lê Trọng N.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HSST ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Áp dụng: điểm c, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Công B (V) 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 6 năm 2017.

- Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Trọng N (T) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 6 năm 2017.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- P. KTNV và THA (TAT);
- TAND Tp. M;
- VKSND Tp. M;
- Công an Tp. M;
- THADS Tp. M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Thái Dũng**